TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 31/2021/HS-PT
Ngày: 22-4-2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Văn Mil, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm và ông Phạm Thành Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Đỗ Huệ T1 và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo T1 và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Huệ T1, sinh năm 1982 tại Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở khác: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Đỗ Quốc V và bà Lê Thị Đ; có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 35/QĐ-XPHC ngày 30/3/2020, Trưởng Công A thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép; bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Võ Văn Th, sinh năm 1994 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp Gi, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị L; có vợ chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Lê Văn A, sinh năm 1983 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp Gi, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Lê Văn B1 và bà Nguyễn Thị Th1; có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 37/QĐ-XPHC ngày 30/3/2020, Trưởng Công A thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép"; bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Phạm Ngọc H, sinh năm 1989 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Phạm Ngọc Th2 (đã chết)

và bà Lê Thị Đ (đã chết); có vợ và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

5. Huỳnh Minh Q, sinh năm 1995 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Huỳnh Th6 Ngh và bà Nguyễn Ngọc L; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 15/01/2020, Trưởng Công A xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép"; bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

6. Phan Thành M, sinh năm 1972 tại Long A; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long A; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Phan Văn Ch (đã chết) và bà Lê Thị B (đã chết); có vợ và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

7. Trần Chí L, sinh năm 1988 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Số 597C/7 khóm Nhà M, phường Nhà M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H1; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020; bị tạm giam từ ngày 25/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

8. Trần Đồng T2, sinh năm 1991 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp Tr, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Trần Đồng Th3 và bà Trần Thị B; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

9. Nguyễn Minh Kh, sinh năm 1980 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Nguyễn Minh Ch và bà Trần Thị M; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

10. Dương Thanh T3, sinh năm 1981 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp Gi, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Dương Văn Ngh (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc A (đã chết); có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

11. Nguyễn Văn Lộc E, sinh năm 1987 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khơme; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Thạch Thị S; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

12. Phan Tuấn C, sinh năm 1985 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Phan Văn Nh và bà Nguyễn Thị Xuân Ngh; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 09/6/2020; bị tạm giam từ ngày 12/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

13. Nguyễn Minh Th3, sinh năm 1989 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Khơme; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V2 Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Thạch Thị S; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập):*

1. Nguyễn Hoàng V1, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

2. Huỳnh Nhật Tr, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3. Võ Văn Th4, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

4. Nguyễn Trí Th5, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Huỳnh Văn T4, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

6. Trần A Q1, sinh năm 2002

Nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:* Anh Lê Duy Ch3, sinh năm 1982, là bị hại có mặt.

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở khác: Khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Lê Thanh Thuận, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Th6 Thuận thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau bào chữa cho bị cáo Dương Th6 T3. Ông Thuận có mặt.

2. Ông Phan Khánh Dương, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh Th3. Ông Dương có mặt.

3. Ông Cao Thế Luận, là Luật sư của Công ty Luật TNHH Kao Kiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu bào chữa cho bị cáo Phan Tuấn C. Ông Luận vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn Lực, là Luật sư của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bình An – Chi nhánh Hậu Giang thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ bào chữa cho bị cáo Huỳnh Minh Q. Ông Lực vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

1. Ông Trần Trọng Hữu, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Công Hùng và Cộng sự chi nhánh tại Cà Mau thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hữu vắng mặt.

2. Ông Trần Văn Đạo, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Công Hùng và Cộng sự chi nhánh tại Cà Mau thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đạo có mặt.

3. Ông Cao Quốc Tuấn, Luật sư của Công ty TNHH MTV Thiên Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Ông Tuấn có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không được Tòa án triệu tập):*

1. Chị Lê Thị Huỳnh Gi, sinh năm 1984
Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.
2. Chị Đoàn Thị Bích T5, sinh năm 1992
Nơi cư trú: Ấp Gi, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; có mặt.
3. Chị Hứa Kim L, sinh năm 1983
Nơi cư trú: Ấp Gi, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
4. Chị Bùi Thị Th6 M, sinh năm 1978
Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu
5. Chị Nguyễn Thị Hồng L2, sinh năm 1997
Nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
6. Chị Nguyễn Thị Kim L3, sinh năm 1985
Nơi cư trú: Khóm 1, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu
7. Ông Trần Đồng Th6, sinh năm 1966
Nơi cư trú: Ấp Tr, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
8. Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1958
Nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
9. Anh Cao Chí H, sinh năm 1985
Nơi cư trú: Ấp V, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Cà Mau
10. Anh Lê Minh Tr1, sinh năm 1989
Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Cà Mau
11. Anh Thạch Oanh Đ, sinh năm 1992
Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
12. Anh Phan Minh Tr1, sinh năm 1974
Nơi cư trú: Khóm 1, phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu
13. Anh Đinh Văn Th6, sinh năm 1988
Nơi cư trú: Ấp Gi, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
14. Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1987
Nơi cư trú: Khóm 9, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu
15. Anh Dương Phi H2, sinh năm: 1978
Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/5/2020, anh Lê Duy Ch3 liên hệ với Hồ Th6 D để tìm thương lái thu mua tôm thẻ chân trắng của anh Ch3. D liên hệ với Phạm Quốc V2 làm môi giới cho Đỗ Huệ T1 để thỏa thuận thu mua tôm thẻ chân trắng của anh Ch3. Sau đó, T1 thuê xe của Phan Thành M chở Võ Văn Th và Dương Phi H2 đi đến ao nuôi tôm của anh Ch3 tại ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau lấy mẫu tôm để xét nghiệm kháng sinh. Sau khi thỏa thuận giá và ngày mua với anh Ch3, ngày 06/5/2020 T1 chuyển 5.000.000 đồng đặt cọc vào tài khoản của Nguyễn Văn L là kỹ sư nuôi tôm cùng với anh Ch3.

Sáng ngày 07/5/2020, T1, Th, M, Lê Văn A, Trần Chí L đi xe ô tô 04 chỗ, biển kiểm soát 94A-044.82 do M điều khiển; còn Phạm Ngọc H, Huỳnh Minh Q, Dương

Th6 T3, Nguyễn Trí Th5, Võ Văn Th4, Huỳnh Nhật Tr, Nguyễn Văn Lộc E, Trần Đồng T2, Nguyễn M Th3, Nguyễn M Kh, PhA T3 C, Nguyễn Hoàng V1, Trần A Q1, Huỳnh Văn T4 và Đinh Văn Th6 đi xe ô tô 16 chỗ, biển kiểm soát 94K-4711 do Bùi Quốc H2 điều khiển chạy đến bến sông cách cầu treo Hòa Trung thuộc xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau khoảng 700m thì tất cả xuống 02 phương tiện đò dọc do M đã thuê trước đó của Lê Minh Tr1 và Cao Chí H3 chở đến ao tôm của anh Ch3. C, V1 ở lại chờ tôm thu mua vận chuyển ra xe tải để muối tôm cùng với Nguyễn Thanh H3. Khi đến, T1 cùng với anh Nguyễn Văn L kiểm tôm và cân tôm. H, Q, Th5, Th4, Tr, Q1, T4 xuống ao kéo tôm đưa lên cân; A quản lý kéo tôm, muối tôm và khênh tôm; Th, M, L, T3, Lộc E, T2, Th3, Kh ở trên bờ để muối tôm và khênh tôm xuống vỏ. Đinh Văn Th6 ở dưới vỏ chờ khênh tôm thu mua để vận chuyển ra xe tải. Trong lúc cân ao nuôi tôm thứ nhất cỡ tôm 41,7 con/kg, giá bán 122.000 đồng/kg được khoảng 300kg thì T1 phát hiện tôm bị ốp thân với số lượng nhiều có khả năng bị thua lỗ, nên T1 nảy sinh ý định lấy trộm tôm của anh Ch3. T1 nói với Th, A, H, Q "tôm ốp nhiều rồi chắc lỗ, giờ lấy trộm tôm mới có đường lời". T1 tiếp tục nói với A "để cho nhóm lưới làm đừng nói gì hết". Lúc này Th, A, H, Q đồng ý. Sau đó Th đi qua phía sau phuy nhựa mà không tiếp tục cân tôm, lợi dụng lúc người nhà anh Ch3 sơ hở trong việc quản lý kéo tôm, Th quăng sợi dây dù đã chuẩn bị sẵn dài khoảng 3m xuống ao nuôi tôm. H, Q lúc kéo tôm bỏ tôm vào cặp đã giấu lại dưới ao và kéo các cặp tôm trộm đến vị trí Th quăng dây và cột dây để Th kéo lên bờ. T2, L tham gia kéo tiếp Th các cặp tôm trộm đưa lên bờ. Lúc này Th5, Th4, Tr, Q1, T4 đang kéo lưới tôm dưới ao đều nhìn thấy H, Q lấy tôm không qua cân, nhưng không ai nói gì. Sau đó, Lộc E, T2, Th3, Kh, T3, M, L khênh các cặp tôm kéo trộm và tôm thu mua xuống vỏ, máy để chở ra hai xe tải mang biển kiểm soát 94C-042.77 và 94C-01602 do T1 thuê trước đó. Một lúc sau, C và V1 đi theo phương tiện vỏ, máy chở tôm ra xe để vào ao. Sau khi khiêng được 04 đến 05 cặp tôm thì phát hiện nhóm của T1 lấy tôm thì cũng cùng che chắn và tham gia khênh các cặp tôm trộm và tôm thu mua xuống vỏ.

Sau khi thu hoạch ao tôm thứ nhất được 2.151kg với số tiền 262.422.000 đồng, Th4 tiếp tục sang ao thứ hai của anh Ch3, cỡ tôm 36 con/kg, giá bán 132.000 đồng/kg. Th tiếp tục lợi dụng lúc gia đình anh Ch3 không quản lý việc kéo tôm, nên quăng dây xuống ao cho H và Q cột dây chuyền các cặp đã giấu sẵn dưới ao tôm cho Th kéo lên bờ và khênh thẳng xuống vỏ, không qua cân. Lúc này Th5, Th4, Tr, Q1, T4 đang kéo lưới tôm dưới ao đều nhìn thấy và biết là trộm tôm nhưng không ai nói gì. Còn A đi xung quanh ao tôm để cảnh giới chủ nhà, rồi cùng với Lộc E, T2, Th3, Kh, T3, M, L, C, V1 khênh các cặp đựng tôm kéo trộm và tôm thu mua xuống vỏ, máy để chở ra 02 xe. Khi thu hoạch ao nuôi tôm thứ hai được 583kg với số tiền 76.956.000 đồng thì anh Ch3 yêu cầu ngừng vì ao này chỉ chiết bớt số lượng tôm, để đảm bảo đủ diện tích của ao nuôi.

Sau khi thu mua xong, tôm được muối đá trên hai xe, T1 kêu Nguyễn Thanh H3 cùng hai tài xế là Thạch Oanh Đ và Trần Minh Tr điều khiển xe đến Công ty thủy sản Stapimex An Phú thuộc Khu công nghiệp Anh Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để bán. Công ty tiến hành lấy mẫu kiểm định và bấm siêu (niêm phong) hai thùng xe tải chở tôm. Đến 08 giờ 20 phút ngày 08/5/2020, Công ty thủy

sản Stapimex An Phú có kết quả xét nghiệm tôm đạt tiêu chuẩn kháng sinh nhưng đánh giá chất lượng tôm bị ốp thân 27% nên không mua. T1 kêu H3 cùng tài xế chở hai xe tôm đến Tập đoàn thủy sản Minh Phú Cà Mau để bán. Đến 10 giờ 47 phút ngày 08/5/2020, Tập đoàn thủy sản Minh Phú Cà Mau thu mua thông qua giới thiệu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy sản Vân Tiên với tổng số lượng là 5.388kg, trong đó: cỡ tôm 41,5 con/kg, số lượng 2.587kg; cỡ tôm 36,9 con/kg, số lượng 2.801kg, thành tiền là 530.881.960 đồng.

Sau khi bán tôm xong, T1 chia cho A 5.000.000 đồng, Th 5.000.000 đồng, M 500.000 đồng, Lộc E, T2, Th3, Kh mỗi người 300.000 và cho thêm mỗi người 100.000 đồng. Nhóm kéo lưới của H, Q, Th5, Th4, Tr, Q1, T4 được chia 10.000.000 đồng, trong đó H, Q mỗi người 4.000.000 đồng, còn Th5, Th4, Tr, Q1, T4 mỗi người 300.000 đồng và cho thêm mỗi người 100.000 đồng. T3, C, V1 mỗi người 300.000 đồng, L được trả 400.000 đồng và cho thêm 100.000 đồng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi kết luận như sau:

+ Tôm thẻ chân trắng loại 41,5 con/kg, số lượng 436 kg x 123.000 đồng/kg = 53.628.000 đồng.

+ Tôm thẻ chân trắng loại 36,9 con/kg, số lượng 2.218 kg x 130.000 đồng/kg = 288.340.000 đồng.

Tổng giá trị tôm thẻ chân trắng mà Đỗ Huệ T1 cùng đồng phạm chiếm đoạt là: 341.968.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 3781/C09B ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau: Mười một tập tin video (ký hiệu từ A1 đến A11) gửi giám định nêu tại mục II.1 là có nội dung liên tục, không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T1 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn Th 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 09 (chín) năm tù và xử phạt bị cáo Huỳnh M Q 08 (tám) năm tù. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đồng T2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn M Kh 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt PhA Thành M 04 (bốn) năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Lộc E 04 (bốn) năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn M Th3 04 (bốn) năm tù. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Chí L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Dương Th6 T3 07 (bảy) năm tù, xử phạt bị cáo PhA T3 C 07 (bảy) năm tù. Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về tội D, hình phạt đối

với các bị cáo còn lại trong vụ án, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Các ngày 13, 14 và 15/01/2021, các bị cáo gồm Đỗ Huệ T1, Võ Văn Th, Lê Văn A, Phạm Ngọc H, Huỳnh M Q, PhA Thành M, Trần Chí L, Trần Đồng T2, Nguyễn M Kh, Dương Th6 T3, Nguyễn Văn Lộc E, PhA Tấn C, Nguyễn M Th3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, lý do: Mức hình phạt mà Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tuyên phạt đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc.

Ngày 18/01/2021, bị hại anh Lê Duy Ch3 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, buộc bị cáo T1 bồi thường tiền tôm bị trộm với số tiền 635.000.000 đồng, tiền tôm bị chết 12.000.000 đồng. Tổng thiệt hại là 647.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét việc bỏ lọt tội phạm đối với Dương Phi H2 và điều tra thêm về chiếc xe tải thứ ba do tài xế Hoàng A1 điều khiển trở đi Thành phố Hồ Chí Minh để bán số lượng tôm trộm của anh Ch3 nhiều hơn khối lượng tôm mà Viện kiểm sát truy tố. Bị hại không xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357, không chấp nH kháng cáo của bị hại; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo T1, Th, A, H, Q, M, Lộc E, Th3, C; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T3, Kh, T2, L. Cụ thể, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, giảm hình phạt đối với bị cáo T3 và bị cáo L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, giảm hình phạt đối với bị cáo T2, Kh từ 06 tháng đến 01 năm tù.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Th3 trình bày: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo phạm tội lần đầu có vai trò giúp sức không đáng kể.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T3 trình bày: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Trong vụ án, bị cáo có vị trí không đáng kể, phạm tội lần đầu. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo có cung cấp thêm tài liệu xác định tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo gồm bị cáo có chú ruột tên Lâm Văn Kh và cậu ruột tên Nguyễn Văn Th là Liệt sĩ, nên đề nghị áp dụng thêm Điều 58 của Bộ luật Hình sự, giảm mức hình phạt cho bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Luật sư Đạo và Luật sư Tuấn bảo vệ quyền lợi của bị hại trình bày: Đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra bổ sung xác định thiệt hại tôm nuôi của anh Ch3.

- Bị hại trình bày: Thống nhất với trình bày của Luật sư Đạo và Luật sư Tuấn.

- Lời nói sau cùng của bị cáo T1: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Ngày 07/5/2020, bị cáo chỉ có thuê 02 xe tải để chở tôm mua của Anh Ch3, bị cáo không biết và không thuê tài xế Hoàng A1 chở tôm đi chợ Bình Điền Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với Dương Phi H2 không có tham gia trộm tôm cùng với bị cáo. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Th: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo A: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo H: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Q: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo L: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo T2: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Kh: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo M: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Lộc E: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Th3: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo T3: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh

Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

- Lời nói sau cùng của bị cáo C: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 07/5/2020, chỉ thấy có 02 chiếc xe tải chở tôm mua của anh Ch3. Đối với anh H2 không có tham gia trộm tôm của anh Ch3. Không biết ai là người phát hiện anh Ch3 có gắn camera và không biết ai ngắt điện nguồn camera.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh Nguyễn Văn L là kỹ sư nuôi tôm công nghiệp. Giữa anh L và anh Lê Duy Ch3 có hùn với nhau nuôi tôm công nghiệp và có thỏa thuận mỗi bên hùn ½ chi phí và chia đều lợi nhuận cũng như tiền thua lỗ. Đối với số tiền tôm bị chiếm đoạt trong vụ án, giữa anh L và anh Ch3 thống nhất việc giao cho anh Ch3 yêu cầu và tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra đến khi kết thúc vụ án. Số tiền chiếm đoạt được trả lại, anh Ch3 và anh L thỏa thuận sẽ phân chia mỗi người được hưởng ½. Vì vậy, anh L từ chối tham gia tố tụng và được cấp sơ thẩm ghi nhận tại bút lục số 1695.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận: Khoảng 13 giờ ngày 07/5/2020 trong lúc thu mua tôm thẻ tại ao nuôi tôm công nghiệp của anh Lê Duy Ch3 ở ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, thì Đỗ Huệ T1 là người thu mua tôm phát hiện tôm bị ốp thân sẽ bị thua lỗ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tôm của anh Ch3. Để thực hiện, T1 mới bàn bạc với Võ Văn Th, Phạm Ngọc H, Huỳnh Minh Q, Lê Văn A. Theo phân công, H, Q lấy tôm dưới ao cho vào giỏ chuyền cho Th dùng dây kéo lên bờ để mang xuống vỏ máy mà không qua cân. Còn Lê Văn A cảnh giới chủ nhà và người thân của họ. Th yêu cầu Trần Chí L, Trần Đồng T2 ngoài việc kéo tiếp tôm do H, Q chuyền lên, còn đứng làm hàng rào che chắn cùng với Nguyễn Minh Kh, Dương Thanh T3. Quá trình chiếm đoạt tôm của những người này, Nguyễn Văn Lộc E, Nguyễn Minh Th3, Phan Thành M đều biết, nên cũng vừa cân tôm, vừa che chắn. Sau đó các bị cáo cùng nhau khênh các giỏ tôm chiếm đoạt và tôm được thu mua xuống vỏ máy đợi sẵn, rồi chuyển ra 02 xe tải biển số 94C-042.77 và 94C-01602 để muối tôm. Sau gần một giờ thì Nguyễn Hoàng V1, Phan Thanh C từ xe muối tôm vào vận chuyển tiếp tôm. Khi khênh được vài cặp đựng tôm, thì C, V1 phát hiện nhóm của T1 lấy tôm trái phép nhưng vẫn cùng các bị cáo khác che chắn và khênh các cặp tôm chiếm đoạt được xuống vỏ. Kết thúc ao tôm thứ nhất, các bị cáo chuyển sang ao tôm thứ 2 và tiếp tục thực hiện hành vi như ở ao tôm thứ nhất. Quá trình thu mua hai ao tôm này, những người kéo lưới tôm gồm Nguyễn Trí Th5, Võ Văn Th4, Huỳnh Nhật Tr, Trần A Q1, Huỳnh Văn T4, đều thấy rõ hành vi chiếm đoạt tôm của nhóm T1 nhưng không tố giác mà bỏ mặc cho các bị cáo thực hiện chiếm đoạt cả hai ao tôm. Theo kết quả định giá, xác định tổng khối lượng là 2.654kg tôm thẻ chân trắng có giá trị mà T1 cùng đồng phạm chiếm đoạt là 341.968.000 (ba trăm bốn mốt triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn) đồng. Với các tình tiết nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã xét xử bị cáo T1, Th, H, A, Q, L, T2, Kh, M, Lộc E, Th3, T3, C và V1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Tr, Th4, T4, Th5, Q1 về tội "Không tố giác

tội phạm" theo khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan cho các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị hại:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 08/2020/HSST-QĐ ngày 25/9/2020 để điều tra bổ sung việc bị cáo T1 có chở tôm đến chợ Bình Điền Thành phố Hồ Chí Minh để bán 2.640kg tôm hay không (bút lục số 1293-1294). Tại bản kết luận điều tra bổ sung số 03/KLĐT-CQCSĐT ngày 27/10/2020 của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi xác định, do tôm bị ốp không bán được cho Công ty thủy sản Stapimex Sóc Trăng, nên T1 khai đã cùng với tài xế chạy xe lên chợ Bình Điền Thành phố Hồ Chí Minh để bán lẻ được 2.640kg là nhằm mục đích để đối phó với Cơ quan điều tra. Bị cáo không có cùng với tài xế chạy xe lên chợ Bình Điền Thành phố Hồ Chí Minh để bán lẻ 2.640kg tôm (bút lục số 1512-1517). Mặt khác, tất cả các bị cáo, tài xế, hai doanh nghiệp thu mua tôm đều xác định trên hai xe có 52 thùng tôm. Trong đêm ở Sóc Trăng chờ kết quả xét nghiệm, hai xe đều được bấm siêu, không di chuyển đi nơi khác nên không thể chở đi chợ Bình Điền ở Thành phố Hồ Chí Minh hoặc nơi khác để bán. Lời khai của Trần Thanh H3 (chủ xe tải 94C-01602) và của Nguyễn Huy C (chủ xe tải 94C-042.77) xác định xe tải có lắp định vị. Ngày 07/5/2020, anh H3 và anh C kiểm tra vị trí xe tải xác định xe di chuyển từ Bạc Liêu-Cà Mau, Cà Mau-Sóc Trăng sau đó về Cà Mau (bút lục số 1500, 1502). 13 bị cáo có mặt tại phiên tòa đều xác định vào ngày 07/5/2020 chỉ có 02 chiếc xe tải chở tôm, không có chiếc xe tải thứ 3 là phù hợp với lời khai của Thạch Oanh Đ và Trần Minh Tr (bút lục số 85-86; 89-90) là tài xế xe tải mang biển kiểm soát 94C-01602, 94C-042.77 và của anh H (bút lục số 103-106). Lời khai của chị Trần Thị T6 (Giám đốc sản xuất Tập đoàn thủy sản Minh Phú) và của Anh Nguyễn Tấn V (Giám đốc Công ty Vân Tiên) đều khẳng định lượng tôm mà T1 bán cho Công ty là 5.388kg (bút lục số 59-60; 67-68), khấu trừ khối lượng tôm T1 mua qua cân của anh Ch3 là 2.734kg, thì khối lượng tôm còn lại xác định bị chiếm đoạt 2.654kg là có căn cứ.

[3.2] Phía bị hại cho rằng lúc kéo tôm, các bị cáo chích điện làm tôm bị rớt dưới đáy ao, gây thiệt hại 12 triệu đồng, nhưng không có cơ sở chứng minh, nên không được chấp nhận.

[3.3] Tại phiên tòa, anh Ch3 có cung cấp 01 USB chứa dữ liệu camera ghi hình quá trình thu mua tôm của bị cáo T1 và đồng bọn vào ngày 07/5/2020. Tuy nhiên, sau khi trực tiếp kiểm tra dữ liệu trong USB và sự thừa nhận của anh Ch3 tại phiên tòa, không có cơ sở khẳng định Dương Phi H2 là người ngắt nguồn điện của camera. Bởi lẽ, vị trí nguồn điện cung cấp cho camera để ở trong nhà của anh Ch3 không có camera quan sát. Trước khi camera bị ngắt nguồn điện thì có rất nhiều người ra vào nhà của anh Ch3. Chỉ có đoạn camera ghi hình ảnh H2 đi qua lại nơi cân tôm. Nhưng camera chỉ ghi hình, không ghi âm được giọng nói của H2 có nội dung gì, nên cũng không có cơ sở khẳng định H2 là người báo tin cho nhóm của T1 biết anh Ch3 có lắp đặt camera như anh Ch3 trình bày. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa cũng xác định anh H2 không phải là người báo tin việc anh Ch3 có gắn camera và không xác định được ai là người ngắt nguồn điện của camera. Tại lời khai ngày 31/5/2020, bị cáo Q xác định Th là người báo tin anh Ch3 có gắn camera (bút lục số

227-228). Lời khai của H2 trong quá trình điều tra cũng xác định H2 không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T1 và đồng bọn (bút lục số 71-74), nên không có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm như anh Ch3 trình bày.

[3.4] Với các chứng cứ nêu tại tiểu mục [3.1], [3.2], [3.3] nói trên, không có cơ sở để xác định bị cáo T1 và đồng bọn chiếm đoạt tôm của anh Ch3 nhiều hơn và đã bán nơi khác như trình bày của bị hại cũng như các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Từ đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[4] Hành vi của bị cáo T1 cùng đồng bọn trộm cắp tài sản thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu riêng của công dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ, không an tâm trong sản xuất của người dân; gây thiệt hại cho người nuôi tôm; ảnh hưởng quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người dân và doanh nghiệp, cơ sở, thương lái thu mua tôm làm ăn chân chính. Bị cáo T1 và đồng bọn trộm cắp tài sản, các bị cáo Tr, Th4, T4, Th5, Q1 không tố giác tội phạm là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt theo pháp luật hình sự.

[5] Xét kháng cáo đối với các bị cáo bị cấp sơ thẩm xét xử có tình tiết tăng nặng "có tổ chức": Với sự phân công vị trí, vai trò của các bị cáo Th, A, H, Q được nêu tại mục [2] xác định rõ vai trò của bị cáo T1 là người chủ mưu, Th, H, Q là những người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản, còn A giữ vai trò giúp sức tích cực, nên cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức và phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[5.1] Đối với bị cáo T1: Với giá trị tài sản chiếm đoạt, số tiền thu lợi bất chính và với vai trò chủ mưu, cầm đầu, thì cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 11 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo có cung cấp tài liệu xác định bị cáo có cha ruột được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì được xem là tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng cũng không làm thay đổi mức hình phạt mà cấp sơ thẩm quyết định, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5.2] Đối với bị cáo Th, H, A và Q: Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Th 09 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo H 09 năm tù, xử phạt bị cáo A 08 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Q 08 năm tù là tương xứng. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết mới, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo đối với các bị cáo không bị cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội có tổ chức", gồm có các bị cáo L, T2, Kh, M, Lộc E, Th3, T3, C. Các bị cáo này phạm tội lần đầu, tham gia với vai trò giúp sức, không được bàn bạc, phân công từ trước, chỉ tiếp nhận ý chí của Th, T1 trong quá trình trộm tôm, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong đó:

[6.1] Các bị cáo M, Lộc E, Th3: Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cho các

bị cáo. Từ đó, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt 04 năm tù cho mỗi bị cáo là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết mới, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[6.2] Đối với bị cáo L: Bị cáo tích cực cùng với Th kéo rất nhiều giỏ tôm do H và Q chuyền lên. Ngoài ra, bị cáo còn làm hàng rào che chắn, khênh các giỏ tôm trộm ra vỏ. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã nộp 100.000 đồng mà cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại và cung cấp tài liệu xác định bị cáo có ông ngoại tên Nguyễn Văn T là thương binh, nên được xác định là các tình tiết giảm nhẹ mới. Căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6.3] Đối với bị cáo T2: Cũng có vai trò như bị cáo L, bị cáo cùng với bị cáo Th kéo rất nhiều giỏ tôm do H và Q chuyền lên. Ngoài ra, bị cáo còn làm hàng rào che chắn, khênh các giỏ tôm trộm ra vỏ. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo có cung cấp tài liệu xác định bị cáo có ông nội tên Trần Văn H được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất và có bà nội tên Nguyễn Thị L được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên được xác định là các tình tiết giảm nhẹ mới để chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt. Do bị cáo kéo giỏ tôm trộm có số lượng ít hơn bị cáo L, nên hình phạt dành cho bị cáo thấp hơn bị cáo L.

[6.4] Đối với bị cáo Kh: Trong suốt thời gian các bị cáo khác lấy trộm tôm, bị cáo Kh luôn đứng che chắn tích cực, khênh tôm trộm xuống vỏ. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo có cung cấp tài liệu xác định bị cáo có ông ngoại tên ông Trần Văn H được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất và có bà ngoại tên Nguyễn Thị L được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên được xác định là các tình tiết giảm nhẹ mới để chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt. Do bị cáo không cùng với bị cáo L, T2 tham gia cùng bị cáo Th kéo giỏ tôm trộm lên bờ, nên hình phạt dành cho bị cáo cũng thấp hơn bị cáo T2.

[6.5] Đối với bị cáo T3: Bị cáo che chắn, trong quá trình khênh các giỏ tôm xuống vỏ có khênh một số giỏ tôm trộm. Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo chỉ được trả tiền công làm trong ngày 300.000 đồng mà không được chia tiền chiếm đoạt như các bị cáo khác. Cấp sơ thẩm không buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại. Mức hình phạt 07 năm tù mà cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là nghiêm khắc. Tuy không có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại cho bị hại, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền 300.000 đồng. Bị cáo phạm tội lần đầu và là người giúp sức có vai trò không đáng kể trong vụ án, nên cần căn cứ khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo có cung cấp tài liệu xác định bị cáo có chú ruột tên Lâm Văn Kh và cậu ruột tên Nguyễn Văn Th là Liệt sĩ. Các tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6.6] Đối với bị cáo C: Sau gần một giờ cân tôm, Th4 bị cáo C và bị cáo V1 mới từ xe muối tôm vào ao khênh tiếp tôm. Khi khênh được vài cặp đựng tôm, Th4

các bị cáo phát hiện nhóm của T1 lấy tôm trái phép nhưng vẫn cùng các bị cáo khác che chắn và khênh các cặp tôm chiếm đoạt được xuống vỏ. Các bị cáo phạm tội lần đầu và là người giúp sức có vai trò không đáng kể trong vụ án. Sau khi thực hiện hành vi, ngoài khoản tiền công 300.000 đồng/người, bị cáo C và V1 không được chia tiền chiếm đoạt. Vì vậy, cấp sơ thẩm không buộc bị cáo C và V1 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V1 03 năm tù là tương xứng, nhưng xử phạt bị cáo C 07 năm tù là nghiêm khắc. Nên cần căn cứ khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C phù hợp với hình phạt của bị cáo V1.

[7] Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo L và T3 đã khắc phục hậu quả, nên phải điều chỉnh lại phần trách nhiệm dân sự cho phù hợp. Cụ thể: Cấp sơ thẩm buộc bị cáo L phải bồi thường 100.000 đồng cho bị hại. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã nộp xong; Bị cáo T3 không có nghĩa vụ bồi thường, nhưng ngày 22/12/2020, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục 300.000 đồng, nên số tiền này được khấu trừ vào số tiền bị cáo T1 phải có nghĩa vụ bồi thường. Theo quyết định sơ thẩm, bị cáo T1 phải bồi thường cho bị hại số tiền 307.968.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ 05 triệu đồng gia đình bị cáo đã nộp ngày 23/6/2020, được khấu trừ 300.000 đồng gia đình bị cáo T3 khắc phục ngày 22/12/2020, bị cáo T1 phải bồi thường số tiền còn lại cho anh Ch3 là 302.668.000 (ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

[8] Cấp sơ thẩm buộc các bị cáo L, Th4, Tr, Q1, Th5 bồi thường cho bị hại 100.000 đồng/bị cáo, nhưng lại không buộc các bị cáo này phải có nghĩa vụ chịu khoản lãi suất trong trường hợp chậm thi hành án cũng như không buộc những bị cáo này phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có thiếu xót. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị về phần này, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[9] Với các phân tích nói trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa được chấp nhận một phần.

[11] Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo L, T2, Kh, T3, C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[12] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị hại là anh Ch3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và các bị cáo T1, Th, H, A, Q, M, Lộc E, Th3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[13] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là anh Lê Duy Ch3; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, gồm: Đỗ Huệ T1, Võ Văn Th, Phạm Ngọc H, Lê Văn A, Huỳnh Minh Q, Phan Thành M, Nguyễn Văn Lộc E và Nguyễn Minh Th3; Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, gồm: Trần Chí L,

Trần Đồng T2, Nguyễn Minh Kh, Dương Thanh T3 và Phan Thanh C; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

2. Về tội danh và hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Huệ T1 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2020.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn Th 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2020.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 09 (chín) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2020.

2.4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2020.

2.5. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Minh Q 08 (tám) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2020.

2.6. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Chí L 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2020.

2.7. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đồng T2 4 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2020.

2.8. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Kh 04 (bốn) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2020.

2.9. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thành M 04 (bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 6 năm 2020.

2.10. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Lộc E 04 (bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2020.

2.11. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th3 04 (bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2020.

2.12. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Thanh T3 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2020.

2.13. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phanh Thanh C 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2020.

3. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Đỗ Huệ T1 phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Lê Duy Ch3 với tổng số tiền là 307.968.000 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn) đồng. Số tiền bồi thường được khấu trừ 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0009930 ngày 23/6/2020, 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0009971 ngày 22/12/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi phát hành. Bị cáo T1 có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho anh Ch3 là 302.668.000 (ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

3.2. Buộc các bị cáo Trần Chí L, Võ Văn Th4, Huỳnh Nhật Tr, Trần A Q1, Nguyễn Trí Th5 phải bồi thường thiệt hại cho anh Lê Duy Ch3. Trong đó, phần của mỗi bị cáo phải bồi thường là 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Bị cáo L đã nộp xong số tiền bồi thường theo Biên lai thu tiền số 0009990 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi phát hành ngày 17/3/2021.

3.3. Các bị cáo Võ Văn Th, Lê Văn A, Trần Đồng T2, Nguyễn Minh Kh, Phạm Ngọc H, Huỳnh Minh Q, Phan Thành M, Nguyễn Văn Lộc E, Nguyễn Minh Th3, Nguyễn Hoàng V1, Dương Thanh T3 có quyền yêu cầu bị cáo Đỗ Huệ T1 trả lại số tiền các bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo T1.

4. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

4.1. Anh Lê Duy Ch3 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Phần anh Ch3 nộp tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011738 ngày 18/01/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi phát hành được khấu trừ.

4.2. Các bị cáo Đỗ Huệ T1, Võ Văn Th, Phạm Ngọc H, Lê Văn A, Huỳnh Minh Q, Phan Thành M, Nguyễn Văn Lộc E, Nguyễn Minh Th3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Trong đó, phần mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn;
- Lưu: VT (TM: TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế